

Số: /HD-SKHĐT

Sơn La, ngày tháng năm 2022

HƯỚNG DẪN

Đánh giá Hợp tác xã hoạt động hiệu quả, theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định để thực hiện Chỉ tiêu 13.1 thuộc Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới; Chỉ tiêu 13.1 thuộc Bộ tiêu chí về xã NTM nâng cao và Chỉ tiêu 1.2 thuộc Quy định về xã NTM kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2022-2025

Căn cứ Quyết định số 1002/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới; Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao; quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện đánh giá Hợp tác xã hoạt động hiệu quả, theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định để thực hiện Chỉ tiêu 13.1 thuộc Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới; Chỉ tiêu 13.1 thuộc Bộ tiêu chí về xã NTM nâng cao và Chỉ tiêu 1.2 thuộc Quy định về xã NTM kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2022-2025, cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ “HỢP TÁC XÃ HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ VÀ THEO ĐÚNG QUY ĐỊNH CỦA LUẬT HỢP TÁC XÃ” THỰC HIỆN CHỈ TIÊU 13.1 THUỘC TIÊU CHÍ SỐ 13 BỘ TIÊU CHÍ VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: UBND xã tiến hành khảo sát việc hợp tác xã có trụ sở chính hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh hợp pháp đặt trên địa bàn, báo cáo UBND huyện.

- Bước 2: UBND huyện chỉ đạo phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với UBND xã kiểm tra HTX có tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012; kiểm tra hợp tác xã có cung cấp dịch vụ cơ bản, thiết yếu theo đặc điểm từng vùng phục vụ thành viên hợp tác xã; đánh giá hợp tác xã có liên kết với các tổ chức, hộ nông dân trên địa bàn xã để tổ chức sản xuất, tiêu thụ nông sản chủ lực của xã.

Đồng thời, hướng dẫn HTX tiến hành tổ chức tự đánh giá mức độ ”Đạt” hoặc ”Không đạt” về hoạt động theo Luật Hợp tác xã (theo phụ lục số 01); chấm điểm và tổng hợp kết quả vào bảng tự chấm điểm của HTX (theo phụ lục số 02). Gửi kết quả đánh giá cùng hồ sơ minh chứng về Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm tra kết quả tự đánh giá và hồ sơ minh chứng của HTX.

- Bước 3: Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thẩm tra, đánh giá hồ sơ minh chứng và tổng hợp, báo cáo kết quả, gửi kèm hồ sơ minh chứng về Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh xem xét thành phần hồ sơ đầy đủ, tiếp nhận và chuyển cho Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định.

- Bước 4: Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định việc HTX hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã trên cơ sở Báo cáo của huyện và hồ sơ minh chứng do HTX cung cấp. Kết quả thẩm định gửi về Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Phương pháp đánh giá

- Căn cứ kết quả thực tế và hướng dẫn tiêu chí, cách chấm điểm tại Phụ lục số 03, HDQT tiến hành tự chấm điểm cho từng nội dung của mỗi tiêu chí và tổng hợp kết quả chấm điểm và bảng tự chấm điểm (*Phụ lục số 02*).

- Căn cứ trên kết quả tự đánh giá đã được Hội đồng quản trị và ban kiểm soát (kiểm soát viên) thống nhất, hợp tác xã được xếp loại như sau:

- + Tốt: Tổng điểm đánh giá đạt từ 80 điểm đến 100 điểm;
- + Khá: Tổng điểm đánh giá đạt từ 65 điểm đến dưới 80 điểm;
- + Trung bình: Tổng điểm đánh giá đạt từ 50 điểm đến dưới 65 điểm;
- + Yếu: Tổng điểm đánh giá đạt dưới 50 điểm.

- Hợp tác xã phải đạt từ 50 điểm trở lên mới được đánh giá là: Đạt

3. Thành phần hồ sơ minh chứng

- Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp theo quy định (*bản photo công chứng*); Giấy phép kinh doanh ngành, nghề có điều kiện.

- Điều lệ, điều lệ sửa đổi, bổ sung của Hợp tác xã.

- Phương án sản xuất kinh doanh của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-2, Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Danh sách thành viên hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-3, Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Sổ đăng ký thành viên theo quy định tại Điều 25 Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Danh sách Hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát, kiểm soát viên hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-4, Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Báo cáo tình hình hoạt động năm gần nhất của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-19, Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất, có xác nhận của cơ quan quản lý thuế địa phương.
- Các quyết định khen thưởng, xử phạt (nếu có).
- Kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có).

Lưu ý: Trường hợp Luật Hợp tác xã năm 2012 được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì các quy định, văn bản mẫu thực hiện theo Luật mới ban hành.

II. ĐÁNH GIÁ “HỢP TÁC XÃ HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ VÀ CÓ HỢP ĐỒNG LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ ỔN ĐỊNH” THỰC HIỆN CHỈ TIÊU 13.1. THUỘC TIÊU CHÍ SỐ 13 BỘ TIÊU CHÍ VỀ XÃ NTM NÂNG CAO VÀ CHỈ TIÊU 1.2 THUỘC LĨNH VỰC SẢN XUẤT CỦA QUY ĐỊNH VỀ XÃ NTM KIỂU MẪU

Xã nông thôn mới nâng cao phải có ít nhất 01 hợp tác xã đạt chỉ tiêu 13.1. “Hợp tác xã được đánh giá hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định” thuộc tiêu chí số 13 Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao.

Xã nông thôn mới kiểu mẫu phải có ít nhất 02 hợp tác xã đạt chỉ tiêu 1.2. “Hợp tác xã được đánh giá hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định” thuộc lĩnh vực sản xuất trong quy định về xã nông thôn mới kiểu mẫu.

Hợp tác xã được đánh giá hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định thỏa mãn các điều kiện sau đây:

1. Đánh giá hợp tác xã hoạt động hiệu quả

Các đơn vị thực hiện đánh giá hợp tác xã hoạt động hiệu quả theo hướng dẫn tại “Mục I. Đánh giá hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật hợp tác xã”.

2. Hợp tác xã có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định

2.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: UBND xã gửi UBND huyện, thành phố báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá về các sản phẩm chủ lực của xã và mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản chủ lực dựa trên hợp đồng liên kết sản xuất.

- Bước 2: UBND huyện, thành phố kiểm tra và xem xét kết quả các sản phẩm chủ lực của xã và mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản chủ lực dựa trên hợp đồng liên kết trên địa bàn, tổng hợp báo cáo Văn phòng Điều phối Nông thôn mới tỉnh tổng hợp và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định.

- Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định, gửi kết quả cho Văn phòng Điều phối Nông thôn mới tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2.2. Phương pháp đánh giá

- Liên kết ổn định tối thiểu là một (01) chu kỳ sản xuất đối với cây lâm

nghiệp, hai (02) chu kỳ nuôi, trồng, khai thác đối với các sản phẩm nông nghiệp khác và được sản xuất theo quy trình và chất lượng thống nhất giữa các bên tham gia liên kết.

- Sản xuất theo quy trình và chất lượng thống nhất giữa các bên tham gia liên kết.

- Giá mua sản phẩm không thấp hơn giá thị trường tại thời điểm thu hoạch.

- Không xảy ra hiện tượng phá vỡ hợp đồng liên kết trên địa bàn xã.

- Sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm nông sản khác có hiệu quả của xã là sản phẩm phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương, người dân có kinh nghiệm sản xuất, gần thị trường lớn... để cho ra sản phẩm an toàn, chất lượng cao, giá thành cạnh tranh, có diện tích sản xuất (đối với trồng trọt, lâm nghiệp), quy mô đàn, sản lượng (đối với chăn nuôi, thủy sản) lớn và gắn với hoạt động sinh kế của đa số người dân trong xã; hoặc có hiệu quả kinh tế cao (gấp tối thiểu 1,5 lần sản phẩm đại trà khác của xã) và có tiềm năng mở rộng. Sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã phải phù hợp với quy hoạch hoặc định hướng tái cơ cấu nông nghiệp của xã.

2.3. Hồ sơ minh chứng

- Báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá về các sản phẩm chủ lực của xã và mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản chủ lực.

- Bản sao có xác nhận của xã: bản hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản chủ lực giữa hợp tác xã với doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh và nông dân; danh sách thành viên tham gia liên kết (nếu có).

Trên đây là hướng dẫn thực hiện Đánh giá Hợp tác xã hoạt động hiệu quả, theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định để thực hiện Chỉ tiêu 13.1 thuộc Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới; Chỉ tiêu 13.1 thuộc Bộ tiêu chí về xã NTM nâng cao và Chỉ tiêu 1.2 thuộc Quy định về xã NTM kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2022-2025. Trong quá trình triển khai thực hiện các sở, ban, ngành, địa phương phản ánh kịp thời những vướng mắc, khó khăn, đề xuất kiến nghị gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để điều chỉnh nội dung hướng dẫn và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền cấp trên./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; (b/c)
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- UBND các huyện, thành phố;
- Liên minh HTX tỉnh
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, ĐKKD (Đức Anh 05 bản).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Trang Nhung

PHỤ LỤC SỐ 01

Đánh giá, thẩm định hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã

(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-SKHĐT ngày tháng 6 năm 2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La)

STT	Tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá	Đánh giá		Số liệu minh chứng
			Đạt	Không đạt	
1	Tiêu chí 1	Hợp tác xã có tư cách pháp nhân, do ít nhất 07 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau			
2	Tiêu chí 2	Quản lý và sử dụng con dấu theo đúng quy định của pháp luật			
3	Tiêu chí 3	Tên hợp tác xã phải được viết hoặc gắn tại trụ sở chính			
4	Tiêu chí 4	Được cấp mã số thuế			
5	Tiêu chí 5	Thực hiện quy định của pháp luật về tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, thống kê.			
6	Tiêu chí 6	Hoạt động đúng ngành, nghề đã đăng ký			
7	Tiêu chí 7	Thực hiện hợp đồng dịch vụ giữa hợp tác xã với thành viên			
8	Tiêu chí 8	Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các quỹ của hợp tác xã theo quy định của pháp luật			
9	Tiêu chí 9	Quản lý, sử dụng đất và tài nguyên khác được Nhà nước giao hoặc cho thuê theo quy định của pháp luật			
10	Tiêu chí 10	Ký kết và thực hiện hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chính sách khác cho người lao động theo quy định của pháp luật			
11	Tiêu chí 11	Đối với các hợp tác xã thành lập trước ngày 01/7/2013 đã			

STT	Tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá	Đánh giá		Số liệu minh chứng
			Đạt	Không đạt	
		đăng ký tổ chức lại theo Luật hợp tác xã năm 2012; các hợp tác xã thành lập từ ngày 01/7/2013 thủ tục hồ sơ theo đúng quy định Luật hợp tác xã năm 2012			
12	Tiêu chí 12	Có Hội đồng quản trị và ban kiểm soát hoạt động theo đúng quy định của điều lệ			
13	Tiêu chí 13	Hợp tác xã không vi phạm pháp luật			
14	Tiêu chí 14	Kinh doanh có lãi liên tục trong 02 năm tài chính gần nhất (hoặc 01 năm tài chính gần nhất đối với hợp tác xã mới thành lập chưa quá 02 năm hoặc báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh đối với hợp tác xã thành lập chưa quá 01 năm)			
15	Tiêu chí 15	Mức vốn góp tối đa của thành viên không quá 20% vốn điều lệ			
16	Tiêu chí 16	Thực hiện theo đúng quy định về tổ chức Đại hội thành viên			
17	Tiêu chí 17	Các thành viên được thực hiện quyền bình đẳng, biểu quyết ngang nhau không phụ thuộc vốn góp			
18	Tiêu chí 18	Quản lý và sử dụng theo đúng quy định về tài sản không chia của hợp tác bao gồm: Quyền sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất; Khoản trợ cấp, hỗ trợ không hoàn lại của Nhà nước; khoản được tặng, cho theo thỏa thuận là tài sản không chia; Phần trích lại từ quỹ đầu tư phát triển hằng năm được			

STT	Tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá	Đánh giá		Số liệu minh chứng
			Đạt	Không đạt	
		đại hội thành viên quyết định đưa vào tài sản không chia; Vốn, tài sản khác được Điều lệ quy định là tài sản không chia			
19	Tiêu chí 19	Các thành viên có thực hiện cam kết theo hợp đồng dịch vụ và theo quy định của điều lệ			
20	Tiêu chí 20	Thực hiện đúng tỷ lệ cung ứng, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ việc làm ra thị trường cho từng lĩnh vực, loại hình theo quy định của Chính phủ. Phần tỷ lệ cung ứng sản phẩm dịch vụ được quy định tại Điều 5 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ			
21	Tiêu chí 21	Không có các công trình, dự án đầu tư không phục vụ lợi ích cho các thành viên			

Các Hợp tác xã phải đạt trên 17 tiêu chí mới được đánh giá là “Đạt”, trong đó các tiêu chí sau là bắt buộc phải đạt gồm: Tiêu chí 1, 2, 4, 7, 10, 13 và 21.

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-SKHĐT ngày tháng 6 năm 2022
của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La)

BẢNG ĐÁNH GIÁ HỢP TÁC XÃ NĂM

Tên hợp tác xã:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Email:.....

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Phân loại theo ngành nghề:

Sản phẩm, DV cung ứng cho thành viên: Sản xuất TDùng Lao Động
Hỗ trợ

Phân loại theo quy mô thành viên: Siêu nhỏ Nhỏ Vừa
Lớn

Phân loại theo quy mô tổng nguồn vốn: Siêu nhỏ Nhỏ
Vừa Lớn

Số TT	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm tối đa	Điểm hợp tác xã tự chấm	Ghi chú
I	Nhóm tiêu chí về tài chính	30		
1	- Tiêu chí 1: Vốn của hợp tác xã;	7		
	a) Tổng nguồn vốn bình quân của HTX	6		
	b) Tổng nguồn vốn của HTX tăng so với năm trước	1		
2	- Tiêu chí 2: Tài sản của hợp tác xã	6		
	a) Tổng tài sản không chia bình quân	5		
	b) Tổng tài sản không chia tăng so với năm trước	1		
3	- Tiêu chí 3: Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm của hợp tác xã;	11		
	a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4		
	b) Tỷ lệ cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho thành viên	3		
	c) Lợi nhuận (thu nhập) trước thuế	4		
4	- Tiêu chí 4: Trích lập các Quỹ của hợp tác xã	6		
	a) Tỷ lệ trích lập Quỹ đầu tư phát triển	2		
	b) Tỷ lệ trích lập Quỹ Dự phòng	2		

	<i>c) Tỷ lệ trích lập các Quỹ khác</i>	2		
II	Nhóm tiêu chí về quản trị, điều hành, năng lực của hợp tác xã	30		
5	- Tiêu chí 5: Chấp hành pháp luật trong hoạt động của hợp tác xã	8		
6	- Tiêu chí 6: Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại	6		
7	- Tiêu chí 7: Trình độ cán bộ quản lý điều hành.	6		
	<i>a) Tỷ lệ cán bộ quản lý HTX qua đào tạo ĐH, CĐ trở lên</i>	2		
	<i>b) Tỷ lệ cán bộ quản lý HTX qua đào tạo sơ cấp, trung cấp</i>	2		
	<i>c) Tỷ lệ cán bộ trẻ</i>	2		
8	- Tiêu chí 8: Thực hiện các chế độ, chính sách cho thành viên và người lao động	6		
9	- Tiêu chí 9: Mức độ áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, xây dựng thương hiệu, chuỗi giá trị	4		
III	Nhóm tiêu chí về thành viên, lợi ích thành viên, cộng đồng và tiêu chí khác	40		
10	- Tiêu chí 10: Mức độ tham gia của thành viên đối với hợp tác xã;	14		
	<i>a) Tổng số thành viên HTX</i>	4		
	<i>b) Tỷ lệ thành viên tham gia mới</i>	3		
	<i>c) Tỷ lệ thành viên tham gia đại hội thành viên</i>	3		
	<i>d) Tỷ lệ thành viên sử dụng dịch vụ</i>	4		
11	- Tiêu chí 11: Lợi ích thành viên;	10		
	<i>a) HTX có giá ưu đãi cho thành viên</i>	4		
	<i>b) Tỷ lệ chia lãi theo mức độ sử dụng dịch vụ</i>	4		
	<i>c) Thu nhập thành viên tăng so năm trước</i>	3		
12	- Tiêu chí 12: Sản phẩm, dịch vụ hợp tác xã cung ứng cho thành viên	7		
	<i>a) Số lượng dịch vụ cung ứng</i>	3		
	<i>b) Chất lượng dịch vụ</i>	4		
13	- Tiêu chí 13: Công tác thông tin, truyền thông, đào tạo bồi dưỡng	4		
14	- Tiêu chí 14: Mức độ ảnh hưởng tích cực đến cộng đồng	3		
15	- Tiêu chí 15: Hợp tác xã được khen thưởng trong năm.	2		
16	Tổng điểm	100		

Hướng dẫn: Hợp tác xã căn cứ các tiêu chí và mức đánh giá hướng dẫn tại Phụ lục số 03 để tự đánh giá và điền kết quả đánh giá từng tiêu chí tại cột “Điểm hợp tác xã đánh giá” và diễn giải thêm (nếu có) ở cột “Ghi chú”.

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HỢP TÁC XÃ năm.....:

....., ngày..... tháng..... năm

BAN KIỂM SOÁT KIỂM TRA
(ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HỢP TÁC
XÃ**
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 03**DANH MỤC CÁC TIÊU CHÍ VÀ MỨC ĐIỂM ĐÁNH GIÁ**
(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-SKHĐT ngày tháng 6 năm 2022
của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La)

Nhóm tiêu chí, tên tiêu chí	Điểm tối đa	Mức xếp loại - Cách xác định	Ghi chú
II. Nhóm tiêu chí về tài chính (tối đa 30 điểm)			
Tiêu chí 1: Vốn của hợp tác xã	7	a) Tổng nguồn vốn bình quân của hợp tác xã (Toàn bộ nguồn vốn của hợp tác xã được hình thành từ nguồn vốn chủ sở hữu và các khoản nợ phải trả của hợp tác xã): - Dưới 100 triệu đồng: 0 điểm - Từ 100 triệu đến dưới 500 triệu đồng: 1 điểm - Từ 500 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng: 2 điểm - Từ 1 tỷ đồng đến dưới 5 tỷ đồng: 3 điểm - Từ 5 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng: 4 điểm - Từ 10 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng: 5 điểm - Từ 50 tỷ đồng trở lên: 6 điểm b) Tổng nguồn vốn của hợp tác xã tăng so với năm trước: Cộng 1 điểm.	
Tiêu chí 2: Tài sản của hợp tác xã	6	a) Tổng tài sản không chia (bình quân) của hợp tác xã - Không có tài sản không chia: 0 điểm - Tài sản không chia dưới 100 triệu đồng: 1 điểm; - Tài sản không chia từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng: 2 điểm; - Tài sản không chia từ 500 triệu đến dưới 1 tỷ đồng: 3 điểm; - Từ 1 tỷ đồng đến dưới 2 tỷ đồng: 4 điểm;	

		<ul style="list-style-type: none"> - Từ 2 tỷ đồng trở lên: 5 điểm. <p>b) Tổng tài sản không chia tăng so với năm trước: Cộng 1 điểm.</p>	
Tiêu chí 3: Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm của hợp tác xã	4	<p>a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của năm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dưới 100 triệu đồng: 0 điểm; - Từ 100 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng: 1 điểm - Từ 1 tỷ đồng đến dưới 5 tỷ đồng: 2 điểm - Từ 5 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng: 3 điểm - Từ 10 tỷ đồng trở lên: 4 điểm 	
	3	<p>b) Tỷ lệ cung ứng, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ, việc làm cho thành viên: Xác định bằng tỷ lệ giữa giá trị sản phẩm, dịch vụ HTX giao dịch với thành viên (hoặc tiền lương HTX trả cho thành viên)/ Tổng giá trị sản phẩm, dịch vụ HTX cung ứng (hoặc tổng tiền lương của HTX chi trả cho người tất cả người lao động):</p> <p><i>b1. Đối với HTX cung ứng sản phẩm, dịch vụ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Dưới 50%: 0 điểm - Từ 50% đến dưới 60%: 1 điểm - Từ 60% đến dưới 70 %: 2 điểm - Từ 70% đến dưới 100%: 3 điểm <p><i>b2. Đối với HTX tạo việc làm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Dưới 30%: 0 điểm - Từ 30% đến dưới 40%: 1 điểm - Từ 40% đến dưới 50 %: 2 điểm - Từ 50% đến dưới 100%: 3 điểm 	
	4	<p>c) Lợi nhuận (thu nhập) trước thuế của năm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lỗ hoặc không có lợi nhuận: 0 điểm 	

		<ul style="list-style-type: none"> - Dưới 200 triệu đồng: 1 điểm - Từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu: 2 điểm - Từ 500 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng: 3 điểm - Từ 1 tỷ đồng trở lên: 4 điểm 	
Tiêu chí 4: Trích lập các Quỹ của hợp tác xã	6	<p>a) Tỷ lệ trích lập Quỹ đầu tư phát triển/ tổng thu nhập (Lợi nhuận sau thuế):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không trích hoặc trích dưới 20%: Trừ 1 điểm; - Từ 20% đến dưới 25%: 1 điểm - Từ 25% trở lên: 2 điểm <p>b) Tỷ lệ trích lập Quỹ Dự phòng/ tổng thu nhập (Lợi nhuận sau thuế):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không trích hoặc trích dưới 5%: Trừ 1 điểm; - Từ 5% đến dưới 10%: 1 điểm - Từ 10% trở lên: 2 điểm <p>c) Có trích lập các Quỹ khác (Quỹ khen thưởng, phúc lợi,...)/ tổng thu nhập (lợi nhuận sau thuế): 2 điểm.</p>	
II. Nhóm tiêu chí về quản trị, điều hành, năng lực của hợp tác xã (tối đa 30 điểm)			
Tiêu chí 5: Chấp hành pháp luật trong tổ chức, hoạt động của hợp tác xã	8	<p>a) Chấp hành pháp luật trong tổ chức, hoạt động của hợp tác xã được 3 điểm, trường hợp hợp tác xã vi phạm và chưa có biện pháp khắc phục bị trừ 1 điểm cho mỗi vi phạm (trừ tối đa 3 điểm).</p> <p>b) Chấp hành pháp luật trong thành lập và đăng ký hợp tác xã được 3 điểm, trường hợp hợp tác xã vi phạm và chưa có biện pháp khắc phục bị trừ 1 điểm cho mỗi vi phạm (trừ tối đa 3 điểm).</p> <p>c) Chấp hành các quy định pháp luật khác được 2 điểm, trường hợp vi phạm, mỗi vi phạm trừ 1 điểm (trừ tối đa 2 điểm).</p>	
Tiêu chí 6: Giải quyết	6	a) Giải quyết đầy đủ, kịp thời khiếu nại,	

các tranh chấp, khiếu nại		<p>tố cáo trong hợp tác xã được 3 điểm, mỗi vụ việc còn tồn đọng bị trừ 1 điểm (trừ tối đa 3 điểm).</p> <p>b) Giải quyết đầy đủ tranh chấp, khiếu nại, tố cáo bên ngoài hợp tác xã được 3 điểm, mỗi vụ việc còn tồn đọng bị trừ 1 điểm (trừ tối đa 3 điểm).</p>	
<p>Tiêu chí 7: Trình độ cán bộ quản lý điều hành (thành viên hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc).</p>	6	<p>a) Tỷ lệ cán bộ quản lý HTX qua đào tạo từ đại học, cao đẳng trở lên trên tổng số cán bộ quản lý HTX:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 30% đến dưới 50%: 1 điểm; - Từ 50% trở lên: 2 điểm; <p>b) Tỷ lệ cán bộ quản lý HTX qua đào tạo sơ cấp, trung cấp trở lên trên tổng số cán bộ quản lý HTX chiếm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 30% đến dưới 50%: 1 điểm - Từ 50% trở lên: 2 điểm <p>c) Tỷ lệ cán bộ HTX trẻ (từ dưới 40 tuổi) trên tổng số cán bộ quản lý HTX:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 10% đến dưới 30%: 1 điểm - Từ 30% trở lên: 2 điểm. 	
<p>Tiêu chí 8: Chế độ, chính sách cho thành viên và người lao động. Hợp tác xã thực hiện tốt các chế độ lương, BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động và bộ máy quản trị, điều hành của HTX, đảm bảo an ninh, an toàn lao động.</p>	6	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp tác xã không có nợ lương trái quy định được 2 điểm. Mỗi trường hợp nợ lương trái quy định trừ 0,5 điểm (trừ tối đa 2 điểm). - Hợp tác xã thực hiện đầy đủ chế độ phụ cấp cho hội đồng quản trị, ban kiểm soát theo quy định của điều lệ được 2 điểm. Mỗi vi phạm trừ 1 điểm (trừ tối đa 2 điểm). - Hợp tác xã thực hiện đầy đủ chính sách về BHYT, BHXH, BHTN cho người lao động được 2 điểm, mỗi vi phạm trừ 0,5 điểm (trừ tối đa 2 điểm). 	
<p>Tiêu chí 9: Mức độ áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, xây dựng thương hiệu, chuỗi giá trị</p>	4	<p>Hợp tác xã được cộng 0,5 điểm cho mỗi nội dung sau đây (cộng tối đa 4 điểm):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp tác xã có website, tham gia thương mại điện tử hoặc có giao dịch trên các diễn đàn, mạng xã hội 	

	<p>(facebook, zalo, instagram,...);</p> <ul style="list-style-type: none"> - HTX có nhãn hiệu sản phẩm, hàng hóa; - Hợp tác xã có nhận dạng, thương hiệu riêng; - Hợp tác xã có đầu tư máy móc, cơ giới áp dụng vào sản xuất kinh doanh, chế biến; - Hợp tác xã xây dựng sản phẩm chủ lực gắn với chuỗi giá trị hoặc có tham gia vào liên hiệp hợp tác xã, tham gia mạng lưới liên kết với các hợp tác xã khác; - HTX có văn bằng sáng chế, quyền sở hữu đối với giống cây trồng mới do HTX chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển hoặc được hưởng quyền sở hữu; - HTX nông nghiệp có tổ chức quy trình sản xuất thực hành nông nghiệp sạch – GAP, hữu cơ cho thành viên; - Hợp tác xã thực hiện chứng nhận truy xuất nguồn gốc; - Hợp tác xã áp dụng các tiến bộ, khoa học kỹ thuật khác. 		
<p>III. Nhóm tiêu chí về thành viên, lợi ích thành viên, cộng đồng (Tối đa 40 điểm)</p>			
<p>Tiêu chí 10: Mức độ tham gia của thành viên đối với hợp tác xã: Tổng số thành viên HTX (4 điểm); Tỷ lệ thành viên tham gia mới (3 điểm); Tỷ lệ thành viên tham gia Đại hội thành viên (3); Tỷ lệ thành viên sử dụng dịch vụ (3 điểm)</p>	<p>14</p>	<p>a) Tổng số thành viên hợp tác xã</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp tác xã có từ 100 thành viên trở xuống: 1 điểm - Hợp tác xã có từ 101 đến 300 thành viên: 2 điểm - Hợp tác xã có từ 301 đến 1000 thành viên: 3 điểm - Hợp tác xã có từ trên 1000 thành viên: 4 điểm <p>Lưu ý:</p> <p>+ Trường hợp hợp tác xã tạo việc làm được cộng thêm 2 điểm cho tiêu chí này</p>	

và tổng điểm tối đa không vượt quá 4 điểm.

+ Đối với hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã) có thành viên là hợp tác xã thì được cộng thêm số lượng thành viên của HTX thành viên khi xác định tiêu chí này. Ví dụ: Liên hiệp Hợp tác xã A có 4 thành viên là các HTX B,C,D,E với số lượng thành viên tương ứng là 10,20,30,40 thì Tổng số thành viên của HTX A được xác định để cho điểm sẽ là 100 (10+20+30+40) thành viên, tương ứng với 3 điểm.

b) Tỷ lệ thành viên tham gia mới: Xác định bằng tỷ lệ giữa số thành viên mới/ Tổng số thành viên hợp tác xã

- Không có thành viên mới gia nhập: 0 điểm;

- Tỷ lệ thành viên mới gia nhập dưới 10%: 1 điểm;

- Đạt từ 10% đến dưới 20%: 2 điểm;

- Đạt từ 20% trở lên: 3 điểm.

c) Tỷ lệ thành viên tham gia đại hội thành viên: Xác định bằng tỷ lệ giữa tổng số thành viên tham gia đại hội/ Tổng số thành viên đủ tư cách tham dự hội nghị

- Đạt dưới 50%: 0 điểm;

- Đạt từ 50% đến dưới 70%: 1 điểm;

- Đạt từ 70% đến dưới 90%: 2 điểm;

- Đạt từ 90% đến 100%: 3 điểm;

d) Tỷ lệ thành viên sử dụng dịch vụ: Xác định bằng tỷ lệ giữa tổng số lượng thành viên có sử dụng dịch vụ / Tổng số thành viên của hợp tác xã.

- Đạt dưới 40%: 0 điểm;

- Đạt từ 40% đến dưới 50%: 1 điểm;

- Đạt từ 50% đến dưới 60%: 2 điểm;

		<ul style="list-style-type: none"> - Đạt từ 60% đến dưới 80%: 3 điểm; - Đạt từ 80% đến 100%: 4 điểm. 	
Tiêu chí 11: Lợi ích thành viên	6	<p>a) Hợp tác xã có giá ưu đãi cho thành viên so với khách hàng không phải thành viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có giá ưu đãi: 0 điểm - Có giá ưu đãi thấp hơn dưới 3%: 1 điểm; - Có giá ưu đãi thấp hơn từ 3 đến dưới 5%: 2 điểm - Giá ưu đãi thấp hơn từ 5 đến dưới 10%: 3 điểm - Giá ưu đãi thấp hơn từ 10% trở lên: 4 điểm. <p>b) Tỷ lệ chia lãi theo mức độ sử dụng dịch vụ: Được xác định bằng tỷ lệ giữa lợi nhuận phân phối theo mức độ sử dụng/ Tổng số lợi nhuận phân phối.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 50% trở xuống: 0 điểm; - Từ trên 50% đến 70%: 2 điểm; - Từ trên 70% đến 90%: 3 điểm; - Từ trên 90% trở lên: 4 điểm. 	Tổng điểm trên 6 thì tính là 6 điểm
	4	<p>c) Tỷ lệ tăng thu nhập bình quân của thành viên hợp tác xã so với năm trước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không tăng hoặc giảm so với năm trước: 0 điểm; - Tăng dưới 5% so với năm trước: 2 điểm; - Tăng từ 5% đến dưới 10% so với năm trước: 3 điểm; - Tăng từ 10% trở lên so với năm trước: 4 điểm 	
Tiêu chí 12: Sản phẩm, dịch vụ hợp tác xã cung ứng cho thành viên	7	<p>a) Số lượng dịch vụ hợp tác xã cung ứng cho thành viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp tác xã cung cấp 1 dịch vụ cho thành viên: 1 điểm - Hợp tác xã cung cấp từ 2 đến 3 dịch 	

		<p>vụ cho thành viên: 2 điểm;</p> <p>- Hợp tác xã cung từ 4 dịch vụ trở lên cho thành viên: 3 điểm b) Chất lượng dịch vụ cung ứng cho thành viên:</p> <p>- Chất lượng dịch vụ trung bình: 1 điểm;</p> <p>- Chất lượng dịch vụ khá: 2 điểm;</p> <p>- Chất lượng dịch vụ tốt: 3 điểm;</p> <p>- Chất lượng dịch vụ rất tốt: 4 điểm.</p>	
<p>Tiêu chí 13: Công tác thông tin, truyền thông, đào tạo bồi dưỡng</p>	4	<p>Tỷ lệ số thành viên HTX được thông tin, tuyên truyền, bồi dưỡng trong năm trên tổng số thành viên HTX:</p> <p>- Dưới 10%: 0 điểm;</p> <p>- Từ 10% đến dưới 20%: 1 điểm;</p> <p>- Từ 20% đến dưới 40%: 2 điểm;</p> <p>- Từ 40% đến dưới 60%: 3 điểm;</p> <p>- Từ 60% trở lên: 4 điểm.</p> <p>Hợp tác xã thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác về hoạt động sản xuất, kinh doanh, tài chính, phân phối thu nhập và những nội dung khác theo quy định của Điều lệ cho thành viên của hợp tác xã, mỗi vi phạm bị trừ 1 điểm.</p>	
<p>Tiêu chí 14: Mức độ ảnh hưởng tích cực đến cộng đồng: Tích cực tham gia hoặc có đóng góp cho các hoạt động cộng đồng trong khu vực</p>	3	<p>Hợp tác xã được cộng 1 điểm cho mỗi nội dung sau đây (<i>cộng tối đa 3 điểm</i>):</p> <p>- Hợp tác xã có tổ chức đảng, đoàn thể;</p> <p>- Có đóng góp hoặc tổ chức các hoạt động từ thiện;</p> <p>- Hoạt động của hợp tác xã thân thiện và góp phần bảo vệ môi trường;</p> <p>- HTX có tổ chức lực lượng tự quản về an ninh; tham gia lực lượng dân quân tự vệ;</p> <p>- Trang bị, huấn luyện (diễn tập) phòng cháy, chữa cháy, ứng phó sự cố thiên tai, tìm kiếm cứu nạn...;</p> <p>- Các hoạt động khác được cộng đồng</p>	

		công nhận.	
Tiêu chí 15: Hợp tác xã được khen thưởng trong năm. <i>(Chỉ tính theo cấp khen thưởng cao nhất)</i>	2	- Hợp tác xã có khen thưởng từ cấp tỉnh trở lên: 2 điểm - Hợp tác xã có khen thưởng cấp huyện: 1 điểm	